

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1158/2019/LĐ-PT**

Ngày: **29/11/2019**

V/v “*Tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hiền

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Hoa;

Ông Đỗ Giang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/11/2019, ngày 26/11/2019 và ngày 29/11/2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 60/2019/TLPT-LĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 32/2019/LĐ-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4970/2019/QĐPT-LĐ ngày 17/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 9457/2019/QĐ-PT ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Trần Duy A** – sinh năm 1989.

Địa chỉ: Kim Hải, Kim Dinh, thị xã B, tỉnh V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T – sinh năm 1984 (có mặt).

Theo Hợp đồng ủy quyền số 013934 ngày 21/9/2016 tại Văn phòng công chứng Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** **Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ N.**

Địa chỉ: Số 47-49 đường H, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Kim R – sinh năm 1985 (vắng mặt).

Theo Giấy ủy quyền ngày 30/10/2018.

- **Người kháng cáo:** nguyên đơn ông Trần Duy A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn ông Trần Duy A và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Quốc T trình bày:*

Vào tháng 01/2015, ông Trần Duy A vào làm việc tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ N (sau đây gọi tắt là Công ty N). Sau thời gian làm việc khoảng 02

tháng, ông A không thấy Công ty N ký kết hợp đồng lao động, ông Anh đã nhiều lần yêu cầu về việc này nhưng Công ty N đã không thực hiện.

Đến ngày 01/9/2016, Công ty N cho ông A thôi việc mà không có lý do, cũng không có bất kỳ một văn bản thông báo hay quyết định nào. Khi ông A đến làm việc thì được ông Trương Trí N là đại diện theo pháp luật của Công ty thông báo bằng lời nói là ông A đã bị cho thôi việc. Ông A cho rằng Công ty N đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là trái pháp luật.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Tuyên bố bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là trái pháp luật; buộc bị đơn phải thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc tạm tính từ tháng 9/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (34 tháng làm tròn) là 34 tháng x 15.000.000 đồng/tháng = 510.000.000 đồng; bồi thường 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 540.000.000 đồng; rút yêu cầu bồi thường 22.500.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày và yêu cầu bị đơn phải nhận nguyên đơn trở lại làm việc.

** Bà Trần Thị Kim H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ N và các ông, bà Huỳnh Thị Thu L, Võ Thiệu H, Ngô Thị Kim R thống nhất trình bày:*

Công ty N thành lập vào năm 2014, hoạt động kinh doanh dịch vụ ăn uống do ông Trương Trí N làm chủ kiêm đại diện pháp luật. Vào tháng 01/2015, ông N thỏa thuận hợp tác kinh doanh cùng với ông Nguyễn Cao T phát triển dự án Nhà hàng Ichi - Sushi cùng đặt tại số 192 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó ông N bỏ toàn bộ vốn đầu tư kinh doanh còn ông Tsẽ chịu trách nhiệm điều hành, tuyển dụng, quản lý toàn bộ sổ sách thu chi và điều hành hoạt động kinh doanh của nhà hàng; khi nào có lợi nhuận thì hai bên sẽ thương thảo chia sẻ lợi nhuận.

Do tính chất công việc nên Công ty thường tuyển dụng lao động làm việc theo thời vụ, trường hợp làm việc trên 12 tháng mới ký hợp đồng lao động. Đến tháng 8/2016, giữa ông N và ông T phát sinh mâu thuẫn, ông T tự ý bỏ việc tại nhà hàng, không bàn giao lại hồ sơ nhân sự, kế toán... làm cho Công ty rơi vào tình trạng khó khăn và buộc phải dừng mọi hoạt động kinh doanh theo Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh số 608780/16 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/9/2016. Công ty phải thanh toán nợ của các nhà cung cấp, trả tiền lương cho nhân viên. Sau đó, ông T và một số người khác làm việc tại bộ phận bếp trong đó có nguyên đơn đều khởi kiện Công ty tại Tòa án Quận 1. Trước đó, Công ty không nhận được bất kỳ đề xuất nào về việc ký hợp đồng lao động với nguyên đơn, khi tiếp nhận lại nhà hàng Công ty không biết nguyên đơn đã làm việc từ thời điểm nào.

Đối với văn bản “Hợp đồng lao động số 0001/2015/HĐLĐ-NMY ngày 15/01/2015” và “Quyết định bổ nhiệm số 01.2015/QĐ/HĐQT ngày 01/4/2015” là không có tính liên quan và có tính giả mạo do ông T ngụy tạo, lừa dối ông N lập ra nên không có giá trị pháp lý.

Đối với “Phiếu chi lương T 6/2016” và “Phiếu chi lương T 7/2016” do nguyên đơn nộp cho Tòa: 02 văn bản trên không đóng dấu treo của Công ty N nên không phải do bị đơn phát hành.

Đối với “Giấy xác nhận thời gian làm việc ngày 01/8/2016” do ông T ký: Thời điểm đầu tháng 8/2016 là thời điểm bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong quan hệ làm ăn giữa ông T và ông N. Do vậy sự xác nhận này là không khách quan, ông T không phải là người sử dụng lao động nên không có thẩm quyền ký xác nhận mà phải là ông N ký và đóng dấu của Công ty N.

Cuối tháng 8/2016, Công ty thông báo đóng cửa nhà hàng và sẽ sắp xếp cho các nhân viên chuyển qua Nhà hàng Nhân Sushi 62 Ngô Đức Kế, Quận 1 tiếp tục làm việc, tuy nhiên nguyên đơn không đồng ý làm việc nơi khác theo sắp xếp của Công ty nên đã nhận đủ lương đến ngày 06/9/2016 và ký tên đồng ý nghỉ việc tại “Bảng chấm công từ ngày 1/9 - 6/9”. Đại diện bị đơn cam kết văn bản “Bảng chấm công từ ngày 1/9 – 6/9” là nguyên bản chính, không in thêm bất cứ nội dung nào. Khi các nhân viên ký vào văn bản này thì chưa được đóng dấu, sau đó mới đóng dấu khi lưu trữ, không đồng ý với ý kiến của đại diện nguyên đơn cho rằng: Dòng chữ nội dung toàn thể nhân viên đồng ý nghỉ việc và chấm dứt hợp đồng lao động do bị đơn in thêm vào văn bản này khi mọi người đã ký tên.

Do đó việc khởi kiện của nguyên đơn là thiếu trung thực, đi ngược đạo đức và thỏa thuận giữa các bên nên bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

**** Tại bản án số 32/2019/LĐ-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:***

- Căn cứ Khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244 và các Điều: 264, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 15; Điều 18; điểm b khoản 1 Điều 22; khoản 3 Điều 36; khoản 2 Điều 200; điểm a khoản 1 Điều 201; khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 có hiệu lực ngày 01/7/2009.

1. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy A về việc yêu cầu buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ N phải nhận trở lại làm việc và yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ N phải bồi thường do vi phạm quy định về thời gian báo trước số tiền 22.500.000 đồng.

2. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy A yêu cầu tuyên bố Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ N đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật; buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ N phải thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc tạm tính từ tháng 9 năm 2016 đến hết tháng 6 năm 2019 là 510.000.000 đồng; bồi thường 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 540.000.000 đồng.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Trần Duy A không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn ông Trần Duy A nộp đơn kháng cáo đề ngày 09/7/2019, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người kháng cáo nguyên đơn là ông Trần Duy A do người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Quốc T trình bày: Ông Trần Duy A khởi kiện tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ N tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, cụ thể: Tuyên bố bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là trái pháp luật; Buộc bị đơn phải thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc tính từ tháng 9/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 34 tháng x 15.000.000 đồng/tháng = 510.000.000 đồng; bồi thường 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 15.000.000 đồng/tháng x 02 tháng = 30.000.000 đồng, tổng cộng là 540.000.000 đồng; Buộc bị đơn phải bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày là 22.500.000 đồng.

- Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ N do người đại diện theo ủy quyền bà Ngô Thị Kim R vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai, không rõ lý do, dù được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của ông Trần Duy A trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Duy A, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Duy A làm trong thời hạn luật định, đã tạm ứng án phí theo quy định, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ N do người đại diện theo ủy quyền bà Ngô Thị Kim R vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai, không rõ lý do, dù được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt phía bị đơn.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Ông Trần Duy A làm việc tại Công ty N từ tháng 01/2015 tại bộ phận bếp của nhà hàng, nhưng giữa hai bên không ký kết hợp đồng lao động theo qui định của pháp luật, Công ty N cũng không thực hiện các nghĩa vụ về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm Y tế cho tất cả lao động đang làm việc tại địa chỉ 192 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1.

[3.1.1] Trước khi tạm ngừng hoạt động, công ty và người lao động đã ký xác nhận vào “*Bảng chấm công từ ngày 01/9/ - 06/9*” (BL 59) có nội dung: “*TOÀN THỂ NHÂN VIÊN ĐỒNG Ý NGHỈ VIỆC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VỚI CÔNG TY N. ĐÃ KÝ TÊN XÁC NHẬN*”, nguyên đơn thừa nhận có ký tên nhưng cho rằng chỉ ký tên nhận tiền lương trong các ngày làm việc từ ngày 01 đến ngày 06/9/2016 chứ không thỏa thuận đồng ý nghỉ việc, nội dung toàn thể nhân viên đồng ý nghỉ việc và chấm dứt hợp đồng lao động do bị đơn in thêm vào văn bản này sau khi mọi người đã ký tên, nhưng đại diện nguyên đơn không yêu cầu Toà án trung cầu giám định nội dung này. Mặt khác, nguyên đơn xác nhận bị đơn có thông báo và thực tế bị đơn đã ngừng hoạt động nhà hàng từ cuối tháng 8 đầu tháng 9/2016 nên việc bị đơn cho rằng đã gặp khó khăn trong kinh doanh là có cơ sở. Đồng thời, căn cứ vào bảng chấm công này bị đơn chỉ thừa nhận ông A là lao động mùa vụ. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 44 Bộ luật lao động 2012 thì “*việc cho thôi việc đối với nhiều người lao động theo qui định tại Điều này chỉ được tiến hành sau khi đã trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở và thông báo trước 30 ngày cho cơ quan quản lý nhà nước về cấp tỉnh*”. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận chỉ thông báo bằng miệng, Công ty N không có bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh đã thông báo như theo quy định Điều 44 Bộ luật lao động 2012.

[3.1.2] Do vậy, đủ cơ sở xác định ông A và Công ty N có quan hệ làm công ăn lương là có quan hệ lao động nhưng không ký kết hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 15, 16 Bộ luật lao động và các Điều 3, 4 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động. Thực tế, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đủ cơ sở xác định ông A có làm việc tại Công ty N và công ty có trả lương cho ông A từ tháng 02/2015 đến tháng 8/2016 là có thật. Đồng thời, đủ cơ sở xác định thời gian làm việc thực tế của ông A là trên 12 tháng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 Bộ luật lao động. Việc Công ty N chấm dứt hợp đồng lao động với ông A là không phù hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 và các Điều 38, 41, 42, 44 Bộ luật lao động 2012, Điều 12, 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[3.2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông A về yêu cầu buộc bị đơn phải bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày là 22.500.000 đồng:

[3.2.1] Theo Đơn xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 12/10/2018 do người đại diện ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền số 013934 ngày 21/9/2016 tại Văn phòng công chứng Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh) ông Nguyễn Quốc T ký (BL 110) cũng như tại biên bản hòa giải ngày 12/10/2019 (BL 114-115) có nội dung: “*Bỏ yêu cầu buộc Công ty phải bồi thường do việc vi phạm thời hạn báo trước tương đương 45 ngày tiền lương với số tiền là 22.500.000 đồng*”.

[3.2.2] Do đó, việc rút yêu cầu buộc bị đơn phải nhận nguyên đơn trở lại làm việc và yêu cầu bồi thường do vi phạm quy định về thời gian báo trước số tiền 22.500.000 đồng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 là có cơ sở.

[3.3] Về tiền lương làm cơ sở tính bồi thường được xác định theo quy định tại các Điều 90, 91 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 4 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015, Điều 3 Nghị định 153/2016/NĐ-CP ngày 14/11/2016. Mức lương mà ông A hưởng trước khi bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là 15.000.000 đồng cao hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ qui định là phù hợp qui định của pháp luật. Như nhận định ở phần trên do Công ty N đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên có cơ sở chấp nhận các yêu cầu bồi thường của nguyên đơn gồm: Bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật 02 tháng lương: 15.000.000 đồng x 2 tháng = 30.000.000 đồng; Bồi thường khoản tiền tương đương tiền lương những ngày người lao động không được làm việc từ ngày 9/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 34 tháng x 15.000.000 đồng = 510.000.000 đồng; Tổng cộng số tiền Công ty N phải trả cho ông Trần Duy A là 540.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; Công ty N và ông A truy nộp tiền Bảo hiểm xã hội – Bảo hiểm y tế theo quy định của luật bảo hiểm cho người lao động là ông A. Thời gian nộp tính từ ngày 01/02/2015 đến 01/02/2017 là khoảng 24 tháng.

[3.4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số 32/2019/LĐ-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.5] Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[3.6] Về án phí lao động phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn ông Trần Duy A không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 32, Điều 147, Điều 148, Điều 244, Điều 293, Điều 272, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 313, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 15, 16, 17, khoản 1 Điều 18, 19, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 90, 102, 103, 200, 201 và Điều 202 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Duy A làm trong thời hạn luật định, đã tạm ứng án phí theo quy định, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

* Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Duy A. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 32/2019/LĐ-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy A về việc yêu cầu buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ N phải nhận trở lại làm

việc và yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ N phải bồi thường do vi phạm quy định về thời gian báo trước số tiền 22.500.000 đồng.

2. Tuyên bố việc chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động là Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ NMY đối với người lao động là ông Trần Duy A là trái pháp luật.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ NMY phải thanh toán cho ông Trần Duy A các khoản sau: Bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật 02 tháng lương: $15.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 30.000.000 \text{ đồng}$; Bồi thường khoản tiền tương đương tiền lương những ngày người lao động không được làm việc từ ngày 9/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 34 tháng $\times 15.000.000 \text{ đồng} = 510.000.000 \text{ đồng}$; Tổng cộng số tiền Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ NMY phải trả cho ông Trần Duy A là 540.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ NMY và ông Trần Duy A truy nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo qui định của Luật bảo hiểm xã hội cho người lao động là ông Trần Duy A. Thời gian nộp tính từ ngày 01/02/2015 đến 01/02/2017 là khoảng 24 tháng.

4. Kể từ khi ông Trần Duy A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ NMY không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ NMY còn phải trả cho ông A khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

5. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Trần Duy A, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ NMY không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

6. Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Duy A không phải chịu án phí.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Hiền

